CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
DN: C=VN, L="9 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam", OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0300424088, O=CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN, E=admin-mng@saigonshipvn.com, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.01.05 17:17:09+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2024.2.3

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN (SAMCO)
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Số: 40 /TTr-HĐQT-SSC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc bầu bổ sung thành viên HĐQT và miễn nhiệm, bầu thay thế thành viên BKS nhiệm kỳ IV (2021-2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ban hành ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán ban hành ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn;

Căn cứ Nghị quyết số 29../NQ-HĐQT-SSC ngày 15/12/2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua nội dung trình Đại hội đồng cổ đông bất thường,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Việc miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2021-2026) đối với:
   - Bà Dương Thị Kim Kiều.
   - Bà Nguyễn Thị Huyền Trang.
2. Số lượng, danh sách ứng viên được đề cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2021-2026) như sau:
   - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: 01 thành viên
   - Số lượng thành viên Ban Kiểm soát: 02 thành viên
   - Danh sách ứng viên được đề cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

TT	Họ tên	Quốc tịch	Năm sinh	Lý lịch trích ngang
I	**Hội đồng quản trị**			Đính kèm
1	Bà Lê Thị Thanh Thuận	Việt Nam	1982	
II	**Ban kiểm soát**			
1	Ông Đồng Đăng Sơn	Việt Nam	1984	
2	Bà Nguyễn Vũ Anh Thư	Việt Nam	1982	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.
Trân trọng kính trình ./.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ; HĐQT, BKS;
- CBTT.
- Lưu: VT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Thành viên HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
M.S.D.N: 0300424088 C.T.C.P P.SÀI GÒN - TP.HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Như Ý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM
(Lần 2)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn.

Tôi tên: DƯƠNG THỊ KIM KIỀU.

CMND số: 221340350; Ngày cấp: 08/03/2010; Nơi cấp: Công an Phú Yên.

Chỗ ở hiện tại: 204 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Hiện tại, tôi đang giữ chức vụ Thành viên Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn nhiệm kỳ 2021-2026.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, Tôi đã gửi Đơn xin từ nhiệm chức vụ Thành viên Ban kiểm soát Công ty để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét, chấp thuận. Tuy nhiên, tại cuộc họp thường niên năm 2022 vào ngày 26 tháng 5 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông đã không chấp thuận thông qua cho tôi được miễn nhiệm chức vụ Ban kiểm soát Công ty theo Đơn xin từ nhiệm.

Hiện nay, tôi không vi phạm chức trách khi thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong thời gian giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn.

Nay tôi làm đơn này, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty chấp thuận cho tôi thôi giữ chức vụ Thành viên Ban kiểm soát kể từ ngày 26 tháng 5 năm 2022.

Tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Cổ đông, Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn và trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ trong thời gian là thành viên Ban kiểm soát tại Công ty cho đến hết ngày 25 tháng 5 năm 2022. Kể từ ngày 26 tháng 5 năm 2022, tôi sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào khi đã xin từ nhiệm chức vụ Thành viên Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn.

Lý do: Vì tình hình dịch bệnh và hoàn cảnh gia đình, hiện nay sức khỏe của tôi không đảm bảo để thực hiện nhiệm vụ được giao nên tôi phải trở về quê để giải quyết công việc gia đình và ổn định cuộc sống. Do đó, tôi không thể tiếp tục đảm nhận công việc được phân công.

Một lần nữa, Tôi kính mong Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và chấp nhận nguyện vọng của tôi.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:
- Hội đồng quản trị Công ty SSC;
- Ban Kiểm soát Công ty SSC.

Tp. Tuy Hòa, ngày 02 tháng 6 năm 2022
Kính đơn

DƯƠNG THỊ KIM KIỀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

Kính gửi:

- Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn;
- Ban Kiểm soát Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn;

Tôi tên: **Nguyễn Thị Huyền Trang**

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn.

Trước hết, Tôi xin gửi lời cám ơn đến Quý cổ đông, Ban Kiểm soát, HĐQT và Ban Điều hành đã tin tưởng, tạo điều kiện để Tôi hoàn thành công việc trong thời gian qua. Do được Tổng Công ty SAMCO sắp xếp, bố trí công tác khác nên Tôi xin gửi Đơn từ nhiệm đến Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn

Kính mong Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và thực hiện các thủ tục theo Điều lệ công ty, các quy định pháp luật có liên quan để Tôi được từ nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát.

Trân trọng./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2025

Người viết đơn

Nguyễn Thị Huyền Trang

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
Trụ sở chính: 9 Nguyễn Công Trứ Phường Sài Gòn, TP. HCM
Điện thoại: (84.28) 38296316 Fax: (84.28) 38225067
Website: saigonship.com.vn

GIẤY ĐỀ CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN NHIỆM KỲ 2021 – 2026

***Kính gửi:** Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn*

- Họ tên cổ đông: Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số: 0300481551 Ngày cấp: 31/08/2010 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh
- Người đại diện theo pháp luật *(nếu là tổ chức):* Kiều Nam Thành
- Số lượng cổ phần sở hữu: 7.354.200 cổ phần, tỷ lệ cổ phần sở hữu là 51% trên tổng số cổ phần của Công ty.

Tôi trân trọng đề cử (các) Ông/Bà có tên sau làm ứng viên để Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 bầu vào Hội đồng quản trị Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn nhiệm kỳ 2021-2026:

1. Bà: Lê Thị Thanh Thuận

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 079182028228 Ngày cấp: 10/07/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 876/45 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Tân Sơn Nhất, TPHCM

Trình độ học vấn: Thạc sĩ Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

Hiện đang sở hữu: 0 (cổ phần), tỷ lệ cổ phần sở hữu là 0 % trên tổng số cổ phần của Công ty.

Tôi cam đoan Bà Lê Thị Thanh Thuận đáp ứng các tiêu chuẩn đối với thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo, đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

TPHCM, ngày 16 tháng 10 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

KIỀU NAM THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
Trụ sở chính: 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn , Q. 1, TP. HCM
Điện thoại: (84.28) 38296316 Fax: (84.28) 38225067
Website: saigonship.com.vn

GIẤY ĐỀ CỬ

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

NHIỆM KỲ 2021 – 2026

***Kính gửi:** Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn*

- Họ tên cổ đông: Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số: 0300481551 Ngày cấp: 31/08/2010 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh
- Người đại diện theo pháp luật *(nếu là tổ chức):* Kiều Nam Thành
- Số lượng cổ phần sở hữu: 7.354.200 cổ phần, tỷ lệ cổ phần sở hữu là 51 % trên tổng số cổ phần của Công ty.

Tôi trân trọng đề cử (các) Ông/Bà có tên sau làm ứng viên để Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 bầu vào Ban Kiểm soát Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn nhiệm kỳ 2021-2026:

1. Ông: Đồng Đăng Sơn

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 079084029034 Ngày cấp: 25/08/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 29 ĐS 7 KDC Bình Hưng, ấp 5, Xã Bình Hưng, TPHCM

Trình độ học vấn: Cử nhân Chuyên ngành: Luật

Hiện đang sở hữu: 0 (cổ phần), tỷ lệ cổ phần sở hữu là 0 % trên tổng số cổ phần của Công ty.

2. Bà: Nguyễn Vũ Anh Thư

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 072190012078 Ngày cấp: 11/09/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 197/96 Thoại Ngọc Hầu, Phường Phú Thạnh, TPHCM

Trình độ học vấn: Cử nhân Chuyên ngành: Kế toán

Hiện đang sở hữu: 0 (cổ phần), tỷ lệ cổ phần sở hữu là 0 % trên tổng số cổ phần của Công ty.

Tôi cam đoan Ông Đồng Đăng Sơn, bà Nguyễn Vũ Anh Thư đáp ứng các tiêu chuẩn đối với Kiểm soát viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo, đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

TPHCM, ngày 16 tháng 10 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0300481551-C.T.T.N.H.H
TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
P.CẦU ÔNG LÃNH - TP. HỒ CHÍ MINH

KIỀU NAM THÀNH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

------o0o------

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1/ Họ và tên:	**LÊ THỊ THANH THUẬN**
2/ Giới tính:	Nữ
3/ Ngày tháng năm sinh:	17 tháng 7 năm 1982
4/ Nơi sinh:	Thành phố Hồ Chí Minh
5/ CMND/CCCD/Hộ chiếu:	079182028228 ngày cấp: 10/07/2021
6/ Quốc tịch:	Việt Nam
7/ Dân tộc:	Kinh
8/ Địa chỉ thường trú:	876/45, Cách Mạng Tháng Tám, P. Tân Sơn Nhất, TP.HCM
9/ Số điện thoại công ty: : 10/ Địa chỉ email:	Số điện thoại di động: 0917 567 989 *Email: thanhthuan@saigonshipvn.com*
11/ Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Luật.
12/ Quá trình công tác:	- Từ 09/2009 đến 12/2013: Phó Phòng Tổ chức Hành chính, Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn. - Từ 01/2014 đến 02/2016: Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính, Kiểm soát viên, Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn - Từ 03/2016 đến 04/2018: Giám đốc Bến xe Ngã Tư Ga, Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn. - Từ 05/2018 đến 11/2023: Trưởng Ban kiểm soát, Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn . - Từ 12/2023 đến 03/2024: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn - Từ 04/04/2024: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận Kho vận Bình Minh. - Từ 04/10/2025: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận Kho vận Bình Minh
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	Tổng Giám đốc Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn Tổng Giám đốc Cty TNHH Liên doanh Giao nhận Kho vận Bình Minh

14/ Tổng số CP nắm giữ 7.354.200 cổ phần, chiếm 51 % vốn điều lệ, trong đó:	
+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác):	7.354.200 cổ phần, chiếm 51 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	*2009* cổ phần, chiếm 0,01 % vốn điều lệ
15/Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của công ty:	Không
17/ Lợi ích liên quan đối với Công ty (nếu có):	Không
18/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty (nếu có):	Không

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

TPHCM, ngày 16 tháng 10 năm 2025

Người khai

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Lê Thị Thanh Thuận


M.S.D.N: 0300481561-C.T.T.N.H.H
TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
P.CẦU ÔNG LÃNH - TP. HỒ CHÍ MINH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness
CĂN CƯỚC CÔNG DÂN
Citizen Identity Card
Số / No.: 079182028228
Họ và tên / Full name:
LÊ THỊ THANH THUẬN
Ngày sinh / Date of birth: 17/07/1982
Giới tính / Sex: Nữ
Quốc tịch / Nationality: Việt Nam
Quê quán / Place of origin:
Xuân Thới Thượng, Hóc Môn, Hồ Chí Minh
Nơi thường trú / Place of residence: 876/45 CMT8,
Phường 05, Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
Có giá trị đến: 17/07/2042
Date of expiry


Đặc điểm nhận dạng / Personal identification:
Sẹo chấm C 3cm dưới trước mép trái
Ngày, tháng, năm / Date, month, year: 10/07/2021
CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI
Ngón trỏ trái
Ngón trỏ phải
Phạm Công Nguyên
IDVNM182028228507918202822 8<<5
8207177 4207173VNM<<<<<<<<<<<8
LE<<TH THANH<THUAN<<<<<<<<<<

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR

OF HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF LAW

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR

SECOND DEGREE

Major in: Laws

Upon: *Ms Le Thi Thanh Thuan*

Date of birth: *17 July 1982*

Year of graduation: *2014*

Degree classification: *Ordinary*

Mode of study: *Full-time*

Ho Chi Minh City, 28 November 2014

Văn Phòng Công Chứng Bến Thành
Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 035793 Quyển số: 01SCT/BS
Ngày 15-10-2025
Công chứng viên

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẾN THÀNH
S.Đ.K.N.Đ: 79200802007-C.T.H.D
P. SÀI GÒN - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Reg. No: **VB2CQK2/11-14/16**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

cấp

BẰNG CỬ NHÂN

BẰNG THỨ HAI

Ngành: Luật học

Cho: *Bà Lê Thị Thanh Thuận*

Ngày sinh: *17/07/1982*

Năm tốt nghiệp: *2014*

Xếp loại tốt nghiệp: *Trung bình*

Hình thức đào tạo: *Chính quy*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

GS.TS. MAI HỒNG QUỲ

Số hiệu: 941551

Số vào sổ cấp bằng: **VB2CQK2/11-14/16**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HỒ CHÍ MINH



Cấp cho: ***Lê Thị Thanh Thuận***

Sinh ngày: 17/07/1982 tại: Tp.HCM

Đã tốt nghiệp khóa học: *GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH - C.E.O*

Từ ngày: 20 / 09 / 2014 đến ngày: 20 / 01 / 2015

Đạt loại: Giỏi

Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 17-15/QĐTN-TTBD,TVQTKD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015

T.L. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ TRƯỞNG KHOA QTKD

TS. NGÔ QUANG HUÂN

Giám đốc TT. Bồi dưỡng, Tư vấn QTKD

Văn Phòng Công Chứng Bến Thành

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 03579 Quyển số: 01SCT/BS

Ngày 15-10-2025

Công chứng viên

Nguyễn Chí Thanh Thủy

ĐHKT: 014652

Số vào sổ: ASK-KI-02

Chữ ký người được cấp chứng chỉ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

www.ueh.edu.vn

Đơn vị : Trường Đại học
Kinh tế TPHCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
****

CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG KẾ TOÁN TRƯỞNG



Cấp cho Lê Thị Thanh Thuần
Sinh ngày 1982 tại TPHCM
Đơn vị công tác Tổng ty CP Bến Sài
Vận tải Sài Gòn
Đã hoàn thành khóa học bồi dưỡng
kế toán trưởng Doanh nghiệp
từ ngày 13-9-2006 đến ngày 28-3-2007
Đạt loại KHÁ
TPHCM ngày 27 tháng 4 năm 2007

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HỒ CHÍ MINH

PGS-TS.NGUYỄN VIỆT

Số đăng ký : KM 6542

Văn Phòng Công Chứng Bến Thành
Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 035795 Quyển số:01SCT/BS
Ngày 15-10-2025
Công chứng viên

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẾN THÀNH
S.Đ.K.H.Đ: 742/2007/CTHD - P.SÀI GÒN - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Thanh Thủy

BẢN SAO

CỘNG HÒA

CHỨNG CHỈ

BỒI DƯỠNG KẾ TOÁN TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ Quyết định số 184-QĐ/TW, ngày 03-9-2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa X) về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Căn cứ Quy chế Quản lý bằng tốt nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 1855/QĐ-HVCTQG ngày 21-4-2016 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Căn cứ Quyết định công nhận tốt nghiệp số 1622/QĐ-HVCB ngày 29 tháng 11 năm 2016



HIỆU TRƯỞNG/
GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN CÁN BỘ TP. HỒ CHÍ MINH
Cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP
TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

Cho đồng chí: ***Lê Thị Thanh Thuận***

Sinh ngày 17 tháng 07 năm 1982

Tại: Tp.HCM

Loại hình đào tạo: *Vừa làm vừa học* Xếp loại: Khá

Khóa học: 2014 - 2016

Ngày 29 tháng 11 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG / GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN CÁN BỘ TP. HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. Trần Hoàng Ngân

Số hiệu bằng 325390 QL/HVCTQG

Số vào sổ 32710/11.446

Văn Phòng Công Chứng Bến Thành
Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực: 035792 Quyển số: 01SCT/BS
Ngày 15-10-2025
Công chứng viên

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẾN THÀNH
S.Đ.K.H.Đ: 20007-C.H.D
P. SÀI GÒN - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Thanh Thùy

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



BẰNG TỐT NGHIỆP

TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF
THE UNIVERSITY OF ECONOMICS HO CHI MINH CITY

confers

THE DEGREE OF MASTER

OF BUSINESS ADMINISTRATION

Upon: **Ms. LE THI THANH THUAN**

Date of birth: 17 July 1982

Given under the seal of
The University of Economics Ho Chi Minh City

Serial number: 007480
Reference number: 739/2021

verify.ueh.edu.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

cấp

BẰNG THẠC SĨ

QUẢN TRỊ KINH DOANH

Cho: **Bà LÊ THỊ THANH THUẬN**

Sinh ngày: 17/7/1982

Văn Phòng Công Chứng Bến Thành
Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực: 035799 Quyển số: 01SCT/BS
Ngày 15-10-2025
Công chứng viên
Nguyễn Thị Thanh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Sử Đình Thành

Số hiệu: 007480
Số vào sổ gốc cấp văn bằng: 739/2021

UEH UNIVERSITY OF ECONOMICS HO CHI MINH CITY

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẰNG THẠC SĨ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

------o0o------



SƠ YẾU LÝ LỊCH

1/ Họ và tên:	**ĐỒNG ĐĂNG SƠN**
2/ Giới tính:	Nam
3/ Ngày tháng năm sinh:	23/01/1984
4/ Nơi sinh:	Thành phố Hồ Chí Minh
5/ CMND/CCCD/Hộ chiếu:	079084029034 Ngày cấp: 25/08/2022
6/ Quốc tịch:	Việt Nam
7/ Dân tộc:	Kinh
8/ Địa chỉ thường trú:	Số 29 ĐS 7 KDC Bình Hưng, ấp 2, Bình Hưng, BC, TPHCM
9/ Số điện thoại công ty: : 10/ Địa chỉ email:	Số điện thoại di động: 0903686998 Email:
11/ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Luật
12/ Quá trình công tác: *+ Từ ... đến ... :* *+ Từ ... đến ... :*	- Từ 02/2013 đến 05/2019: Chuyên viên Phòng Tư pháp quận 5 - Từ 06/2019 đến 11/2021: Chuyên viên Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 5 - Từ 12/2021 đến 04/2023: Chuyên viên Pháp chế SAMCO - Từ 05/2023 đến 04/2024: Chuyên viên Pháp chế SAMCO, Thư ký Hội đồng thành viên SAMCO - Từ 05/2024 đến 07/2024: Chuyên viên Pháp chế SAMCO, Thư ký Hội đồng thành viên SAMCO, Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết - Từ 08/2024 đến nay: Chuyên viên Ban Thư ký Hội đồng Thành viên SAMCO, Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết, Người đại diện phần vốn SAMCO tại Công TNHH Vận tải Ngôi sao Sài Gòn
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	Chuyên viên Ban Thư ký Hội đồng Thành viên SAMCO
	Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết
	Người đại diện phần vốn SAMCO tại Công TNHH Vận tải Ngôi sao Sài Gòn

14/ Tổng số CP nắm giữ 0 *cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ*, trong đó:	
+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác):	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
15/Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của công ty:	Không
	Không
17/ Lợi ích liên quan đối với Công ty (nếu có):	Không
18/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty (nếu có):	Không

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát Công ty.

TPHCM, ngày 16 tháng 10 năm 2025

Người khai

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Đặng Đăng Sơn

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR OF

Ha Noi Law University

confers

THE DEGREE OF BACHELOR

Upon: (Mr, Ms) Mr Dong Dang Son

Born on: 01/23/1984

Major in: Law

Ranking: Strong-pass

Mode of study: Part-time

Serial number:

Reference number: 84-BDUONG3-2010

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

Trường Đại học Luật Hà Nội

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

DANH HIỆU: BẰNG CỬ NHÂN

Cho: Đồng Đăng Sơn

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 23/01/1984

Ngành đào tạo: Luật

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình khá

Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2010

HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

PGS. TS. Hoàng Thế Liên

Số hiệu: 00172655

Số vào sổ cấp bằng: 84-BDUONG3-2010



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ Quyết định số 184-QĐ/TW, ngày 03-9-2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa X) về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Căn cứ Quy chế Quản lý bằng tốt nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 1855/QĐ-HVCTQG ngày 21-4-2016 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Căn cứ Quyết định công nhận tốt nghiệp số 980/QĐ-HVCB *ngày* 28 *tháng* 8 *năm* 2018

HIỆU TRƯỞNG/

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN CÁN BỘ TP. HỒ CHÍ MINH

Cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP

TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

Cho đồng chí: ***Đồng Đăng Sơn***

Sinh ngày 23 tháng 01 năm 1984

Tại: *Thành phố Hồ Chí Minh*

Loại hình đào tạo: *Vừa làm vừa học* Xếp loại: Khá

Khóa học: *2017 - 2018*

Ngày 4 tháng 8 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG/

GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Trần Hoàng Ngân

Số hiệu bằng

446170 QL/HVCTQG

Số vào sổ

50367/H.609

BỘ TƯ PHÁP

HỌC VIỆN TƯ PHÁP

HỌC VIỆN TƯ PHÁP



Số hiệu chứng chỉ: 15441/2012/L...

Số vào sổ: 113/QĐ-HVTP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN TƯ PHÁP
Cấp

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
Đào tạo nghiệp vụ luật sư

Cho: **Đồng Đăng Sơn**

Ngày, tháng, năm sinh: 23/1/1984

Nơi sinh: TP. HCM

Khóa học: 12 tại TP.HCM

Xếp loại: Trung bình

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2013

GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Nguyễn Thái Phúc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

------o0o------

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1/ Họ và tên:	**NGUYỄN VŨ ANH THƯ**
2/ Giới tính:	Nữ
3/ Ngày tháng năm sinh:	08/11/1990
4/ Nơi sinh:	Tỉnh Tây Ninh
5/ CMND/CCCD/Hộ chiếu:	072190012078 Ngày cấp: 11/09/2023
6/ Quốc tịch:	Việt Nam
7/ Dân tộc:	Kinh
8/ Địa chỉ thường trú:	Số 197/96 Thoại Ngọc Hầu, Phường Phú Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
9/ Số điện thoại công ty: : 10/ Địa chỉ email:	Số điện thoại di động: 039 998 7353 Email: samco.anhthu@gmail.com
11/ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kế toán
12/ Quá trình công tác: *+ Từ ... đến ... :* *+ Từ ... đến ... :*	- Từ 08/2013 đến 03/2021: Chuyên viên Kế toán SAMCO - Từ 04/2021 đến 10/2023: Chuyên viên Kế toán SAMCO, Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn ; Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Vận tải ô tô số 2 - Từ 11/2023 đến 05/2025: Chuyên viên Kế toán SAMCO, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn, Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Vận tải ô tô số 2 - Từ 06/2025 đến nay: Trưởng phòng Tài chính Kế toán Ban Bến xe Miền Đông mới thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH Một thành viên; Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn; Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Vận tải ô tô số 2
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	Trưởng phòng Tài chính Kế toán Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Vận tải ô tô số 2

14/ Tổng số CP nắm giữ 0 *cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ*, trong đó:	
+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác):	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
15/Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của công ty:	Không
	Không
17/ Lợi ích liên quan đối với Công ty (nếu có):	Không
18/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty (nếu có):	Không

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát Công ty.

TPHCM, ngày 16 tháng 10 năm 2025
Người khai
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Vũ Anh Thư

...LIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

...SAIGON UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR

ACCOUNTING

Upon: Ms **Nguyen Vu Anh Thu**

Date of birth: 08 November 1990

Year of graduation: 2012

Degree classification: Good

Mode of study: Full-time

Ho Chi Minh City, *19 July 2012*

Reg. No: 3108320121

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

cấp

BẰNG CỬ NHÂN

KẾ TOÁN

Cho: Bà **Nguyễn Vũ Anh Thư**

Ngày sinh: 08/11/1990

Năm tốt nghiệp: 2012

Xếp loại tốt nghiệp: Khá

Hình thức đào tạo: Chính quy

TP.HCM, *ngày* 19 *tháng* 07 *năm* 2012

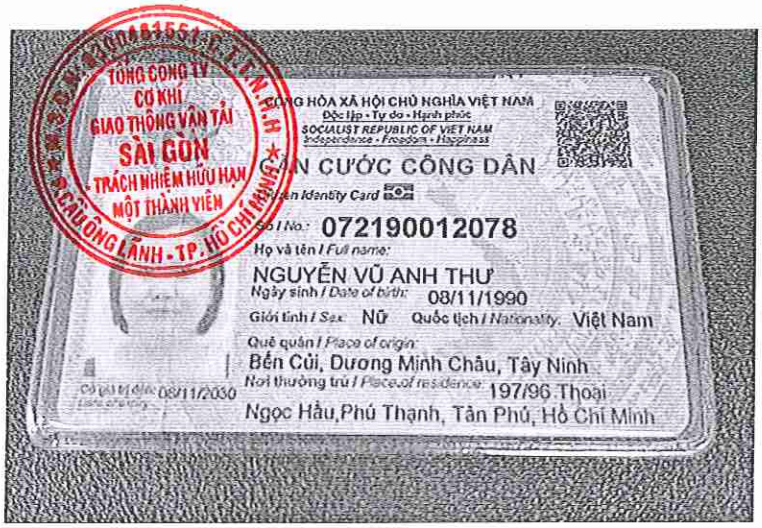
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

PGS.TS. Nguyễn Viết Ngoạn

Số hiệu: 230747

Số vào sổ cấp bằng: 3108320121


TỔNG CÔNG TY
CƠ KHÍ
GIAO THÔNG VẬN TẢI
SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness
CĂN CƯỚC CÔNG DÂN
Citizen Identity Card
Số / No.: 072190012078
Họ và tên / Full name:
NGUYỄN VŨ ANH THƯ
Ngày sinh / Date of birth: 08/11/1990
Giới tính / Sex: Nữ
Quốc tịch / Nationality: Việt Nam
Quê quán / Place of origin:
Bến Củi, Dương Minh Châu, Tây Ninh
Nơi thường trú / Place of residence: 197/96 Thoại
Ngọc Hầu,Phú Thạnh, Tân Phú, Hồ Chí Minh
Có giá trị đến: 08/11/2030


Đặc điểm nhân dạng / Personal identification:
Sẹo chấm C 2cm trên sau cánh mũi trái
Ngày, tháng, năm / Date, month, year: 11/08/2023
CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT
QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI
Ngón trỏ trái
Ngón trỏ phải
Nguyễn Quốc Hùng
IDVNM190012078807219001207 8<<1
9011089F3011087VNM<<<<<<<<<<<0
NGUYEN<<VU<ANH<THU<<<<<<<<<<<<

TỔNG CÔNG TY
CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN TNHH MTV (SAMCO)
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
Số: 41../TTr-HĐQT-SSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 15 tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ban hành ngày 17/06/2020;
Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn;
Căn cứ Nghị quyết số 29./NQ-HĐQT-SSC ngày 15/12/2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua nội dung trình Đại hội đồng cổ đông bất thường,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty như sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty theo nội dung Phụ lục đính kèm.

2. Ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ 7 theo nội dung Dự thảo đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
Trân trọng./.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;HĐQT;BKS
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Thành viên Hội đồng quản trị

Huỳnh Như Ý

PHỤ LỤC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY
(Đính kèm theo Tờ trình số 41/TTr-HĐQT-SSC ngày 15/12/2025)

STT	Nội dung Điều khoản	Quy định hiện hành	Nội dung điều chỉnh
1	Khoản 1 Điều 1	Tên viết tắt: SSC	Điều chỉnh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Nội dung viết lại toàn văn: *"Tên viết tắt: SSC JSC"*
2	Khoản 3 Điều 1	Trụ sở đăng ký: Địa chỉ: 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Điều chỉnh theo địa giới hành chính mới. Nội dung viết lại toàn văn: *"Trụ sở đăng ký:* *Địa chỉ: 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh"*
3	Điểm l Khoản 1 Điều 24: Đại hội đồng cổ đông	*"Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết"*	*Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận để Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục lựa chọn hoặc phê duyệt chỉ định công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính của công ty hàng năm.* *Công ty kiểm toán được phê duyệt hoặc được chỉ định kiểm toán là cơ sở để Đại diện vốn biểu quyết hoặc chỉ định kiểm toán tại các Công ty con; là định hướng để người đại diện vốn có ý kiến tham gia trong HĐQT/HĐTV của các công ty liên kết. Các trường hợp đặc biệt sẽ được thực hiện theo các nội dung cụ thể tại Nghị quyết ĐHĐCĐ;...*
4	Điểm d; khoản 1 điều 36	**Điều 36: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị** Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; thông qua nhân sự Trưởng phòng, Giám đốc chi nhánh do Tổng Giám đốc đề xuất và bổ nhiệm.	*Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; thông qua nhân sự Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Giám đốc chi nhánh, Phó Giám đốc Chi nhánh do Tổng Giám đốc đề xuất và bổ nhiệm"*
5	Điểm f; khoản 1 điều 36	**Điều 36: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị** Thông qua các hợp đồng mua bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có thời hạn lớn hơn 02 năm, hoặc có tổng giá trị của mỗi hợp đồng giao dịch lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng qui định tại điểm d khoản 1 Điều 24 và khoản 3 Điều 50 Điều lệ.	*Thông qua các hợp đồng mua bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có thời hạn lớn hơn 02 năm, hoặc có tổng giá trị của mỗi hợp đồng giao dịch lớn hơn 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng qui định tại điểm d khoản 1 Điều 24 và khoản 3 Điều 50 Điều lệ.* ***Quy định về tổng giá trị giao dịch tại điều này không áp dụng với các hợp đồng nguyên tắc không xác định được giá trị hợp đồng tại thời điểm ký kết.***

STT	Nội dung Điều khoản	Quy định hiện hành	Nội dung điều chỉnh
6	Bổ sung điều 37 - Bis Các ủy ban giúp việc Hội đồng quản trị	Chưa có	*Điều 37 - bis: Các ủy ban giúp việc Hội đồng quản trị* *1. Hội đồng quản trị **có thể** thành lập các ủy ban trực thuộc sau đây:* *- Ủy ban Kế hoạch và Chiến lược để phụ trách về chính sách kinh doanh, đầu tư, tài chính.* *- Ủy ban Nhân sự để phụ trách về chính sách nhân sự, lương thưởng.* *- Các tiểu ban khác để phụ trách về chính sách phát triển, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.* *Chi tiết về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các ủy ban này sẽ được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của từng ủy ban.* *2. Số lượng thành viên của ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định có **tối thiểu** là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài (là người lao động của Công ty). Hoạt động của ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của ủy ban.* *3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.*
7	Bổ sung Điều 46 bis	Chưa có quy định	Điều 46-bis: *Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:* *1) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;* *2) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;* *3) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.*
8	Điểm d Điều 48: Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc	**Điều 48: Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc** Quyết định và kí kết các hợp đồng giao dịch có thời hạn nhỏ hơn hoặc bằng 02 năm, hoặc có tổng giá trị của mỗi hợp đồng giao dịch nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.	*Quyết định và kí kết các hợp đồng giao dịch có thời hạn nhỏ hơn hoặc bằng 02 năm, hoặc có tổng giá trị của mỗi hợp đồng giao dịch nhỏ hơn hoặc bằng 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng qui định tại Khoản 3 Điều 50 Điều lệ. Trong trường hợp gia hạn mà tổng thời hạn hoặc lũy tiến giá trị của hợp đồng giao dịch lớn hơn mức được quy định thì việc gia hạn chỉ có hiệu lực khi được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị. **Quy định về tổng giá trị giao dịch tại điều này không áp dụng với các hợp đồng nguyên tắc không xác định được giá trị hợp đồng tại thời điểm ký kết.***

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
Địa chỉ: 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Quận I, TPHCM
Điện thoại: (028) 3829 6316 – 3829 6320; Fax: (028) 3822 5067
Email: saigonship@saigonshipvn.com
Website: www.saigonship.com.vn

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

(Đại hội đồng cổ đông thông qua sửa đổi, bổ sung lần 7)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 5

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 5

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG 7

Điều 1: Tên, Hình thức, Trụ sở, Đơn vị trực thuộc của Công ty 7

Điều 2: Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 8

Điều 3: Thời hạn hoạt động 11

Điều 4: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công ty 11

Điều 5: Người đại diện theo pháp luật 12

Điều 6: Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị – xã hội tại Công ty 12

CHƯƠNG II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY 12

Điều 7: Quyền của Công ty 12

Điều 8: Nghĩa vụ của Công ty 12

CHƯƠNG III: VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU 13

MỤC 1: VỐN 13

Điều 9: Vốn Điều lệ 13

Điều 10: Các loại vốn khác 13

MỤC 2: CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU 14

Điều 11: Cổ phần – Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần – Cổ phiếu 14

Điều 12: Chào bán cổ phần 15

Điều 13: Chuyển nhượng Cổ phần 15

Điều 14: Thừa kế cổ phần 15

Điều 15: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty 16

Điều 16: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông 16

Điều 17: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại 17

CHƯƠNG IV: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ 17

Điều 18: Cơ cấu tổ chức quản lý 17

Điều 19: Nghĩa vụ chung của người quản lý Công ty, người điều hành và cán bộ quản lý 17

CHƯƠNG V: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 18

MỤC I: CỔ ĐÔNG 18

Điều 20: Quy định chung về cổ đông 18

Điều 21: Quyền của cổ đông phổ thông.....19
Điều 22: Nghĩa vụ của các cổ đông.....21
MỤC II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....22
Điều 23: Quy định chung về Đại hội đồng cổ đông.....22
Điều 24: Đại hội đồng cổ đông.....22
Điều 25: Đại hội đồng cổ đông bất thường.....24
Điều 26: Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, thông báo và điều kiện tiến hành họp.....24
Điều 27: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....25
Điều 28: Chi phí tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....26
Điều 29: Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....26
Điều 30: Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....26
Điều 31: Thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....27
Điều 32: Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....28
CHƯƠNG VI: TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....28
MỤC I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....28
Điều 33: Quy định chung về Hội đồng quản trị.....28
Điều 34: Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.....29
Điều 35: Chủ tịch, Phó chủ tịch và Thành viên Hội đồng quản trị.....29
Điều 36: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....29
Điều 37: Hoạt động của Hội đồng quản trị.....31
Điều 37-bis: Các ủy ban giúp việc Hội đồng quản trị.....32
Điều 38: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....33
Điều 39: Trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị.....33
Điều 40: Phân công nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT.....34
Điều 41: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị.....35
MỤC II: BAN KIỂM SOÁT.....35
Điều 42: Quy định chung về Ban kiểm soát.....35
Điều 43: Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên.....36
Điều 44: Từ chức, từ nhiệm và miễn nhiệm Ban kiểm soát.....36
Điều 45: Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm soát viên, Ban Kiểm soát.....37
Điều 46: Nghĩa vụ của Kiểm soát viên.....38
Điều 46-bis: Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát.....38
MỤC III: BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN.....38

Điều 47: Bổ nhiệm và nhiệm kỳ Tổng Giám đốc.....38
Điều 48: Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc.....39
Điều 49: Miễn nhiệm đối với Tổng Giám đốc.....40
Điều 50: Các hợp đồng giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.....40
MỤC IV: QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC...41
Điều 51: Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa HĐQT và Tổng Giám đốc....41
MỤC V: QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ.....42
Điều 52: Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ.....42
CHƯƠNG VII: CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH.....42
MỤC I: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH.....42
Điều 53: Tài khoản ngân hàng.....42
Điều 54: Năm tài chính.....42
Điều 55: Hệ thống kế toán.....42
Điều 56: Trình báo cáo hằng năm.....42
Điều 57: Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....43
Điều 58: Kiểm toán.....43
Điều 59: Con dấu.....43
MỤC II: PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....43
Điều 60: Trích lập quỹ.....43
Điều 61: Cổ tức.....44
Điều 62: Hình thức chi trả cổ tức.....44
CHƯƠNG VIII: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ - SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....44
Điều 63: Giải quyết tranh chấp nội bộ.....44
Điều 64: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....45
CHƯƠNG IX: TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN.....45
Điều 65: Chấm dứt hoạt động.....45
Điều 66: Thanh lý.....45
CHƯƠNG X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC.....46
Điều 67: Kế thừa và các quy định khác.....46
Điều 68: Hiệu lực, đăng ký Điều lệ.....46

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của **Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn** (dưới đây gọi tắt là Công ty) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty, một Công ty được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Điều lệ, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Quyết định của Hội Đồng Quản Trị và các Quyết định khác của Công ty nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua và chấp thuận toàn văn theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 05 tháng 01 năm 2026 (sau đây gọi tắt là Điều lệ), gồm: 10 chương, 69 điều.

Điều lệ này thay thế: Điều lệ đầu tiên được thông qua các cổ đông tại Đại hội cổ đông thành lập Công ty tổ chức vào ngày 22 tháng 12 năm 2005; Điều lệ thay thế Điều lệ đầu tiên được thông qua các cổ đông tại Đại hội cổ đông ngày 30 tháng 01 năm 2007 (sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 14 tháng 4 năm 2010 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2010; sửa đổi bổ sung lần 2 ngày 20 tháng 4 năm 2011 tại ĐHĐCĐ thường niên 2011; sửa đổi bổ sung lần 3 ngày 25 tháng 4 năm 2017 tại ĐHĐCĐ thường niên 2017; sửa đổi bổ sung lần 4 ngày 24 tháng 10 năm 2017; sửa đổi bổ sung lần 5 ngày 23 tháng 04 năm 2019; sửa đổi bổ sung lần 6 ngày 28 tháng 04 năm 2021).

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những từ ngữ sau đây sẽ có nghĩa như giải thích dưới đây:

a. *"Luật doanh nghiệp"* có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.

b. *"Luật chứng khoán"* có nghĩa là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019.

c. *"Pháp luật"* là các luật, pháp lệnh, nghị định, quy chế, thông tư, quyết định và tất cả các văn bản pháp luật khác được cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành từng thời điểm.

d. *"Người quản lý Công ty"* bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

e. *"Ban Tổng Giám đốc"* bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc của Công ty.

f. *"Người điều hành công ty"* là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các Cán bộ quản lý.

g. *"Thành viên quản trị không điều hành"* (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Cán bộ quản lý khác.

h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

i. *"Cán bộ quản lý"* bao gồm Trưởng, Phó các phòng, ban, Giám đốc, Phó Giám đốc các chi nhánh, văn phòng đại diện, trung tâm của Công ty và người đại diện phần vốn tại các đơn vị mà công ty có vốn góp.

j. *"Các đơn vị trực thuộc"* bao gồm các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ, kinh doanh, chi nhánh, trung tâm, các văn phòng đại diện và các đơn vị khác của Công ty theo nhu cầu sản xuất.

k. *"Cổ tức"* là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

l. *"Cổ đông"* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.

m. *"Cổ đông lớn"* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

n. *"Cổ phần"* là phần vốn có giá trị ngang nhau tạo thành Vốn điều lệ của Công ty.

o. *"Trái phiếu"* là chứng chỉ nhận nợ của Công ty đối với chủ nợ do Công ty phát hành dưới các hình thức phù hợp với quy định của Pháp luật.

p. *"Lợi nhuận"* là phần thu còn lại của Công ty sau khi trừ các khoản thuế, phí và các khoản chi phí hợp lý phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

q. *"Vốn điều lệ"* là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và được ghi vào Điều lệ Công ty.

r. *"Tài sản góp vốn"* có thể là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam. Tài sản góp vốn được định giá theo các nguyên tắc quy định tại Điều 36 Luật Doanh nghiệp.

2. *"ĐHĐCĐ"* là viết tắt của Đại hội đồng cổ đông.

3. *"HĐQT"* là viết tắt của Hội đồng quản trị.

4. *"BKS"* là viết tắt của Ban Kiểm soát.

5. *"Việt Nam"* là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

6. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kì điều khoản hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

7. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

8. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG I:
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Tên, Hình thức, Trụ sở, Đơn vị trực thuộc của Công ty

1. Tên pháp nhân của Công ty bằng tiếng Việt là:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Tên giao dịch của Công ty bằng tiếng Anh là:

SAIGON SHIPPING JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt là: ***SSC JSC***

Biểu tượng (logo):

2. Hình thức sở hữu và tư cách pháp nhân:
   a. Công ty là Công ty cổ phần được thành lập dưới hình thức cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản bằng toàn bộ tài sản do Công ty sở hữu.
   b. Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
   c. Công ty thuộc sở hữu của các cổ đông, trong đó:
      - Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.
      - Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
3. Trụ sở đăng ký:
   - Địa chỉ : 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
   - Điện thoại : (84.28) 3829 6316 – 3829 6320 – 3823 1747
   - Fax : (84.28) 3822 5067
   - E-mail : saigonship@saigonshipvn.com
   - Website : www.saigonship.com.vn

4. Công ty có thể thành lập đơn vị trực thuộc tại các địa bàn kinh doanh trong và ngoài nước để hỗ trợ các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của HĐQT và trong phạm vi pháp luật cho phép.

Điều 2: Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Mục tiêu: Công ty xây dựng và giữ vững thương hiệu. Đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
1	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng container và thiết bị nâng hạ container tại kho bãi (không hoạt động tại trụ sở)	3311
2	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản Chi tiết: Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh; - Chế biến và bảo quản thủy sản khô; - Chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản	1020
3	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, vecsni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663
4	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).	3290
5	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: - Vận tải hàng hóa ven biển; - Vận tải hàng hóa viễn dương	5012
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Logistics; - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu.	5229 (Ngành nghề chính)

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
7	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan); - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác.	5210 (Ngành nghề chính)
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; - Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở; - Kinh doanh bất động sản khác.	6810
9	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ	5022
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng); - Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác; - Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác.	4933
11	Vận tải hàng hóa đường sắt Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường sắt liên tỉnh, nội thành và ngoại thành.	4912
12	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Nạo vét đường thủy, đường biển	4299
14	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân	4669

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
	vào đâu.	
15	Khai thác quặng kim loại quý hiếm Chi tiết: - Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Không hoạt động tại trụ sở)	0730
16	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị công nghiệp.	3312
17	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị điện	3314
18	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị khác	3319
19	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	3511
20	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn hoa và cây; Bán buôn động vật sống; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thuỷ sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa);	4620
21	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ Chi tiết: Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ. (không hoạt động ở trụ sở)	4631
22	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; - Bán buôn thủy sản; - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn cà phê; - Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Bán buôn thực phẩm khác.	4632
23	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Bán buôn đồ uống có cồn; - Bán buôn đồ uống không có cồn.	4633
24	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
25	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn vải; Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; Bán buôn hàng may mặc; Bán	4641

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
	buôn giày dép.	
26	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu.	4649
27	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh.	4722
28	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

3. Phạm vi hoạt động kinh doanh:

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh trên toàn lãnh thổ Việt Nam và tại nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty có thể tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm, được ĐHĐCĐ thông qua và được đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 3: Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của Công ty là vô hạn. Việc chấm dứt hoạt động của Công ty do ĐHĐCĐ quyết định hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công ty

1. Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.

2. Cổ đông Công ty cùng góp vốn, cùng chia lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

3. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là ĐHĐCĐ.

4. ĐHĐCĐ bầu HĐQT để lãnh đạo Công ty, bầu BKS để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất - kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty.

Điều 5: Người đại diện theo pháp luật

1. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm.

2. Tổng Giám đốc Công ty có quyền hạn và nhiệm vụ được quy định theo Pháp luật và trong Điều lệ này.

Điều 6: Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị – xã hội tại Công ty

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Công ty tôn trọng, tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

CHƯƠNG II:
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 7: Quyền của Công ty

1. Tự chủ kinh doanh, chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.

3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

4. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh;

5. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.

6. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.

7. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Doanh nghiệp.

8. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.

9. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

10. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

11. Được hưởng các chế độ ưu đãi về thuế khi chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định của Nhà nước.

12. Các quyền khác do theo quy định của pháp luật.

Điều 8: Nghĩa vụ của Công ty

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán.

3. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

4. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.

6. Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

7. Tuân thủ quy định của pháp luật về Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh.

8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III:
VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU

MỤC 1: VỐN

Điều 9: Vốn Điều lệ

1. Vốn Điều lệ của Công ty là: 144.200.000.000 (một trăm bốn mươi bốn tỷ hai trăm triệu) đồng.

2. Vốn Điều lệ của Công ty được bổ sung theo từng thời kỳ để đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Công ty và đảm bảo quyền lợi của cổ đông. Việc tăng vốn Điều lệ do ĐHĐCĐ quyết định, được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.

3. Vốn Điều lệ được sử dụng cho các mục đích theo quy định của pháp luật.

4. Không được sử dụng Vốn điều lệ để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác mà không trái pháp luật).

Điều 10: Các loại vốn khác

1. Vốn vay:

Công ty huy động vốn bên ngoài bằng phương thức phát hành trái phiếu, vay vốn của ngân hàng, của các tổ chức tài chính trong và ngoài nước và các phương thức khác theo quy định của pháp luật. Công ty được quyền sử dụng vốn này và có trách nhiệm hoàn trả đúng hạn cả vốn lẫn lãi. Công ty phải chấp hành và tôn trọng các giới hạn khống chế về mức huy động, dự trữ tối thiểu bắt buộc và biện pháp bảo đảm an toàn về vốn.

2. Vốn tích lũy:

Vốn tích lũy của Công ty được hình thành từ kết quả kinh doanh, dùng để mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty, góp vốn liên doanh với các cá nhân, các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.

3. Các loại vốn khác:

Công ty được tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển của các cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước và các loại vốn khác theo đúng pháp luật hiện hành để bổ sung cho vốn hoạt động.

MỤC 2: CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU

Điều 11: Cổ phần – Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần – Cổ phiếu

1. Tổng số vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 14.420.000 (mười bốn triệu bốn trăm hai mươi nghìn) cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần. Các cổ phần phổ thông có giá trị ngang nhau về mọi mặt.

2. Toàn bộ cổ phần của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác nhau sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Cổ phiếu: là chứng chỉ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần mà một cổ đông nắm giữ. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu và được ghi nhận tại Sổ đăng ký cổ đông và sổ theo dõi phát hành cổ phiếu. Cổ phiếu phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty và được đóng dấu của Công ty. Cổ phiếu phải nêu rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức Cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Tổng Giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty.

5. Nếu Cổ phiếu bị hỏng, bị mất hoặc bị hủy hoại thì Công ty sẽ cấp Cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng theo yêu cầu của cổ đông với điều kiện là cổ đông đó phải gửi cho Cổ phiếu cũ hoặc tuân thủ các điều kiện chứng minh Cổ phiếu bị mất

hoặc bị hủy hoại theo quy định tại khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp. Người được cấp lại phải chịu các chi phí liên quan.

Điều 12: Chào bán cổ phần

1. Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể tăng vốn điều lệ bằng cách phát hành tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó.
2. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán do ĐHĐCĐ quyết định với điều kiện có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Thủ tục chào bán cổ phần được thực hiện theo quy định của pháp luật.
3. Cổ đông của Công ty vào thời điểm phát hành thêm cổ phần được quyền ưu tiên mua cổ phần theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần hiện đang nắm giữ, hoặc do ĐHĐCĐ quyết định.

Điều 13: Chuyển nhượng Cổ phần

1. Các cổ phần phổ thông đều được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp bị hạn chế theo quy định của pháp luật.
2. Việc chuyển nhượng cổ phần có thể được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán.
3. Bên nhận chuyển nhượng chính thức trở thành cổ đông Công ty và có các quyền lợi của cổ đông kể từ thời điểm các thông tin của bên nhận chuyển nhượng được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
4. HĐQT hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần nào nếu việc chuyển nhượng trái với Điều lệ này.
5. Các quy định khác về chuyển nhượng cổ phần được thực hiện theo Luật doanh nghiệp, và Luật Chứng khoán.
6. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14: Thừa kế cổ phần

1. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết theo quy định của pháp luật, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hay toàn bộ số cổ phần của cổ đông đó:
   a. Người thừa kế theo quy định của pháp luật.
   b. Nếu có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì những người này phải cử một người đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết bất cứ trường hợp tranh chấp nào giữa những người thừa kế.

2. Người thừa kế hợp pháp của cổ đông sẽ đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế với Công ty và trở thành cổ đông của Công ty, được hưởng mọi quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.

3. Khi cổ đông là tổ chức bị giải thể, sáp nhập, chia, tách hoặc phá sản thì quyền thừa kế liên quan đến cổ đông tổ chức đó được giải quyết theo các quy định của pháp luật.

Điều 15: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo quy định sau đây:

1. HĐQT quyết định việc mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định.

2. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận nào khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên và trụ sở Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 130 Luật Doanh nghiệp.

Điều 16: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định trong Điều Lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu này phải lập bằng văn bản nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định về các vấn đề nêu tại khoản này.

2. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông với giá thị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc quy định trong một quy chế riêng của Công ty. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một

tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Nếu tranh chấp xảy ra các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 17: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.
2. Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Luật Doanh nghiệp thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả các thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.
3. Cổ phần được mua lại được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần chưa bán theo quy định của Luật doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có qui định khác.
4. Cổ phiếu đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy Cổ phiếu gây ra đối với Công ty.
5. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

CHƯƠNG IV:
CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 18: Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

a. Đại Hội Đồng Cổ Đông;
b. Hội Đồng Quản Trị;
c. Ban Kiểm soát;
d. Tổng Giám đốc.

Điều 19: Nghĩa vụ chung của người quản lý Công ty, người điều hành và cán bộ quản lý

Người quản lý Công ty, người điều hành và cán bộ quản lý của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo vì lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.
3. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không được đem tài sản của Công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp HĐQT chấp thuận.
4. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì:
   a. Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết.
   b. Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý.
   c. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a và b khoản này.
   d. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.
   e. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V:
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

MỤC I: CỔ ĐÔNG

Điều 20: Quy định chung về cổ đông

1. Cổ đông là **cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty**.
2. Cá nhân, tổ chức chính thức trở thành cổ đông Công ty khi hoàn tất thanh toán tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại đơn vị lưu ký chứng khoán.
3. Người đại diện hợp pháp của cổ đông tại Công ty:
   a. Người đại diện hợp pháp của cổ đông là tổ chức tại Công ty, là người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó theo quy định hiện hành của pháp luật.
   b. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức nêu tại điểm a khoản này có thể cử người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự làm đại diện tại Công ty.
   c. Cổ đông là cá nhân có thể cử người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự làm đại diện cho mình tại Công ty.

d. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản.

e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi lên HĐQT của Công ty.

f. Việc cử người làm đại diện tại Công ty phải được thực hiện bằng văn bản theo mẫu của Công ty.

g. Cổ đông được quyền ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp theo quy định tại Khoản 1, Điều 21 Điều lệ này.

Điều 21: Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ.

c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông đang nắm giữ tại Công ty.

d. Được mua, bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần theo quy định trong Điều lệ này và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật.

e. Được xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi, bổ sung các thông tin không chính xác.

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ.

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty.

h. Được ủy quyền từng lần bằng văn bản cho người khác tham dự họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật. Người được ủy quyền tham dự không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

i. Được quyền khởi kiện theo Điều 166 của Luật Doanh nghiệp.

j. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được ứng cử hoặc đề cử thành viên vào HĐQT và BKS của Công ty:

a. Số thành viên được ứng cử hoặc đề cử tham gia HĐQT theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau:

- Tỷ lệ nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được tối đa 1 thành viên.

- Tỷ lệ nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được tối đa 2 thành viên.
- Tỷ lệ nắm giữ từ 30% đến dưới 50% được tối đa 3 thành viên.
- Tỷ lệ nắm giữ từ 50% đến dưới 65% được tối đa 4 thành viên.

b. Số thành viên được ứng cử hoặc đề cử tham gia BKS theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau:
- Tỷ lệ nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được tối đa 1 thành viên.
- Tỷ lệ nắm giữ từ 30% đến dưới 50% được tối đa 2 thành viên.
- Tỷ lệ nắm giữ từ 50% đến dưới 65% được tối đa 3 thành viên.

c. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông ứng cử hoặc đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền ứng cử hoặc đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.

d. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên có quyền:

a. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau đây:
- HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

  Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
- Nhiệm kỳ của HĐQT vượt quá 06 tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế.

b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của BKS, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

c. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký

cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

e. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 22: Nghĩa vụ của các cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định của Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.

8. Cổ đông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật.

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

9. Nghĩa vụ của cổ đông lớn:

Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

a. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

MỤC II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 23: Quy định chung về Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Các cuộc họp ĐHĐCĐ phải có đủ số lượng cổ đông tham dự tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Điều lệ này.

3. Nghị quyết của ĐHĐCĐ chỉ có giá trị khi được các cổ đông hoặc đại diện thông qua theo Điều 30 hoặc Điều 31 của Điều lệ này.

Điều 24: Đại hội đồng cổ đông

1. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ:

a. Thông qua định hướng phát triển của công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;

j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

k. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận để Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục lựa chọn hoặc phê duyệt chỉ định công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính của công ty hàng năm. Công ty kiểm toán được phê duyệt hoặc được chỉ định kiểm toán là cơ sở để Đại diện vốn biểu quyết hoặc chỉ định kiểm toán tại các Công ty con; là định hướng để người đại diện vốn có ý kiến tham gia trong HĐQT/HĐTV của các công ty liên kết. Các trường hợp đặc biệt sẽ được thực hiện theo các nội dung cụ thể tại Nghị quyết ĐHĐCĐ; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần theo triệu tập của HĐQT. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Địa điểm họp ĐHĐCĐ phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

3. ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

i. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

Điều 25: Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:
   a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
   b. Số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc giảm quá 1/3 so với quy định tại khoản 2 Điều 33 Điều lệ.
   c. Theo yêu cầu của nhóm cổ đông tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ.
   d. Theo yêu cầu của BKS.
   e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại ít hơn theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều này; 60 ngày khi thành viên HĐQT giảm quá 1/3 so với quy định tại khoản 2 Điều 33 Điều lệ nhưng không thấp hơn quy định của pháp luật.
3. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định.
4. Trường hợp BKS không triệu họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này có quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật doanh nghiệp.
5. HĐQT, BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty nếu HĐQT, BKS không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều này.

Điều 26: Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, thông báo và điều kiện tiến hành họp

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đã đăng ký của cổ đông.
2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
   a. Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp phù hợp với pháp luật và quy định của Công ty.
   b. Xác định thời gian và địa điểm đại hội.
   c. Thông báo cho tất cả các cổ đông về việc tiến hành họp ĐHĐCĐ.
3. Cuộc họp ĐHĐCĐ là hợp lệ nếu:
   a. Trong lần triệu tập lần đầu, số cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

b. Trong lần triệu tập lần thứ hai, số cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

c. Trong lần triệu tập lần thứ ba, không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Triệu tập họp lần thứ hai được tiến hành trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp thứ nhất dự định khai mạc; triệu tập họp lần thứ ba được tiến hành trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuộc họp thứ hai dự định khai mạc.

4. HĐQT có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện đến tham dự họp ĐHĐCĐ, lập danh sách hiện diện (chỉ số cổ phần sở hữu, cổ phần đại diện).

5. Chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định như sau:

a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp; và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa cử một, hoặc một số người làm thư ký lập biên bản họp ĐHĐCĐ.

d. ĐHĐCĐ bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

Điều 27: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản họp phải có các nội dung chủ yếu sau:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ.

c. Chương trình làm việc.

d. Chủ tọa và thư ký.

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ.

f. Các vấn đề cần thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ; số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; các vấn đề đã được thông qua.

g. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.

h. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

i. Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa và thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 28: Chi phí tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành ĐHĐCĐ sẽ do Công ty chi trả; Các chi phí mang tính cá nhân như chi phí đi lại, ăn ở do cổ đông tự trang trải.

Điều 29: Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc người đại diện hợp pháp tại Công ty quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ có quyền trực tiếp tham dự ĐHĐCĐ hoặc ủy quyền cho người khác tham dự. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

Cổ đông sở hữu từ 1% cổ phần phổ thông của Công ty trở xuống chỉ được ủy quyền cho một (01) cá nhân hoặc tổ chức khác.

2. Việc ủy quyền đại diện tham dự ĐHĐCĐ phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung hoặc theo mẫu khác mà HĐQT chấp thuận, người được ủy quyền phải trình văn bản này cho Ban tổ chức đại hội trước khi khai mạc.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, hoặc fax, hoặc thư điện tử trước 02 ngày tổ chức ĐHĐCĐ về Công ty theo địa chỉ được ghi trên thông báo.

Điều 30: Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hình thức thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ: ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, bỏ phiếu kín hoặc hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền biểu quyết dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua; việc gửi Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty.

2. Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ tại cuộc họp:

a. Biểu quyết tại cuộc họp phải công khai và trực tiếp; ngoài những trường hợp được quy định trong Điều lệ này, ĐHĐCĐ có thể quyết định bỏ phiếu kín trong các trường hợp khác.

b. Mỗi cổ đông khi biểu quyết được tính bằng phiếu biểu quyết. Số phiếu biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu.

c. Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận trừ trường hợp quy định tại Điểm d, Khoản 2 Điều này.

d. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;

b. Định hướng phát triển công ty;

c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

4. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

5. Nghị quyết hợp lệ của ĐHĐCĐ có hiệu lực thi hành đối với cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

Điều 31: Thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Trừ trường hợp qui định khoản 3 Điều 30 Điều lệ này, Nghị quyết có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

2. HĐQT có trách nhiệm sau đây để các Nghị quyết của cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

a. Quyết định các vấn đề cần xem xét, hình thức và nội dung bỏ phiếu kín theo Điều lệ này và pháp luật.

b. Gửi phiếu biểu quyết, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và tất cả các văn bản cần thiết cho tất cả các cổ đông để các cổ đông này có thể ra các quyết định có đầy đủ thông tin.

3. Nghị quyết được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều này có giá trị như Nghị quyết do ĐHĐCĐ được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 32: Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 30 Điều lệ.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VI:
TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

MỤC I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 33: Quy định chung về Hội đồng quản trị

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Số thành viên của HĐQT là 05 thành viên, tối thiểu phải có 3/5 số thành viên HĐQT thường trú ở Việt Nam. HĐQT có quyền đề nghị ĐHĐCĐ thay đổi số lượng thành viên HĐQT của từng nhiệm kỳ trong khoảng từ 5 đến 11 thành viên.

3. Thành viên HĐQT không nhất thiết là cổ đông của Công ty. Thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức vụ trong Ban Tổng Giám đốc Công ty ("thành viên điều hành") hoặc có thể là thành viên không tham gia Ban Tổng Giám đốc ("thành viên không điều hành").

4. HĐQT bầu một Chủ tịch HĐQT và một Phó chủ tịch HĐQT bằng thể thức bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín.

5. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT:

a. Là cổ đông cá nhân hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

b. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d. Không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Điều 34: Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm. Nhiệm kỳ của các thành viên HĐQT không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế.

2. Trong nhiệm kỳ, ĐHĐCĐ có thể bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế.

Điều 35: Chủ tịch, Phó chủ tịch và Thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và một Phó chủ tịch.

3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ này và theo Luật Doanh nghiệp. Chủ tịch có thể ủy quyền cho Phó chủ tịch thực hiện công việc với tư cách như là Chủ tịch trong trường hợp: vắng mặt, bất khả kháng nhưng phải thông báo cho HĐQT biết về việc ủy quyền này. Nếu Chủ tịch không chỉ định Phó chủ tịch hành động như vậy thì các thành viên còn lại của HĐQT sẽ chỉ định Phó chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do bất khả kháng thì HĐQT có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch.

4. Khi cả Chủ tịch và Phó chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.

Điều 36: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Quyền hạn:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn của Công ty;

b. Quyết định kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm trên cơ sở các mục tiêu chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;

c. Quyết định mô hình tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty;

d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; thông qua nhân sự Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Giám đốc chi nhánh, Phó Giám đốc Chi nhánh do Tổng Giám đốc đề xuất và bổ nhiệm.

e. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

f. Thông qua các hợp đồng mua bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có thời hạn lớn hơn 02 năm, hoặc có tổng giá trị của mỗi hợp đồng giao dịch lớn hơn 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng qui định tại điểm d khoản 1 Điều 24 và khoản 3 Điều 50 Điều lệ. Quy định về tổng giá trị giao dịch tại điều này không áp dụng với các hợp đồng nguyên tắc không xác định được giá trị hợp đồng tại thời điểm ký kết.

g. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

h. Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

j. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào trong 12 tháng của Công ty;

k. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

l. Quyết định giá phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;

m. Quyết định về việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền và cách thức sử dụng các quỹ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ;

n. Có thể đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ này, Nghị quyết và các quy định của HĐQT;

o. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, công nghệ;

p. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập, giải thể các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

2. Nhiệm vụ:

a. Báo cáo cho ĐHĐCĐ và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về hoạt động của mình.

b. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

c. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát toàn bộ hoạt động của Ban điều hành để đảm bảo thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và của ĐHĐCĐ.

d. Chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên và bất thường. Triệu tập họp ĐHĐCĐ, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định.

e. Trình ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề:

- Tăng giảm vốn Điều lệ và sửa đổi điều kiện chuyển nhượng cổ phần.
- Kiến nghị chiến lược huy động vốn.
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức, xác định mức cổ tức tạm thời hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản của Công ty.

3. Các quyền và trách nhiệm khác được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 37: Hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp định kỳ của HĐQT do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

2. Trường hợp cần thiết, HĐQT có thể họp phiên bất thường theo yêu cầu của:

a. Chủ tịch HĐQT;

b. Ít nhất hai thành viên HĐQT;

c. BKS hoặc thành viên độc lập;

d. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác.

3. HĐQT có quyền thông qua Nghị quyết bằng việc biểu quyết tại cuộc họp hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

4. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

5. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có đầy đủ chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự. Nghị quyết đã được HĐQT Công ty thông qua phải được ghi nội dung trong biên bản và do Chủ tịch HĐQT ký ban hành.

6. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp: Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

7. Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được trên 50% thành viên dự họp đồng ý. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

Điều 37-bis: Các ủy ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các ủy ban trực thuộc sau đây:

- Ủy ban Kế hoạch và Chiến lược để phụ trách về chính sách kinh doanh, đầu tư, tài chính.
- Ủy ban Nhân sự để phụ trách về chính sách nhân sự, lương thưởng.
- Các tiểu ban khác để phụ trách về chính sách phát triển, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.

2. Chi tiết về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các ủy ban này sẽ được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của từng ủy ban.

3. Số lượng thành viên của ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài (là người lao động của Công ty). Hoạt động của ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của ủy ban.

4. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Điều 38: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Điều lệ này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 39: Trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch, Phó chủ tịch, thành viên HĐQT muốn từ chức hoặc các tổ chức muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch, Phó chủ tịch, thành viên HĐQT của Công ty thì phải có yêu cầu bằng văn bản gửi đến HĐQT. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, HĐQT sẽ họp để xem xét và quyết định.

2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT đương nhiệm mất tư cách thành viên HĐQT thì Phó Chủ tịch lên thay, trong trường hợp Chủ tịch và Phó chủ tịch đương nhiệm mất tư cách thành viên HĐQT thì HĐQT cử người tạm thay thế và đảm nhiệm công việc của Chủ tịch cho đến kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất để bầu bổ sung.

3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại ít hơn theo quy định của pháp luật; 60 ngày khi thành viên HĐQT giảm quá 1/3 so với quy định tại khoản 2 Điều 33 Điều lệ.

4. Các trường hợp khuyết thành viên HĐQT khác do ĐHĐCĐ gần nhất quyết định.

5. Trong trường hợp khuyết một thành viên HĐQT thì HĐQT tạm thời bổ nhiệm thành viên thay thế cho đến kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất để bầu bổ sung. Sau khi ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm và kết thúc theo nhiệm kỳ của HĐQT. Trường hợp ĐHĐCĐ không chấp thuận, mọi quyết định HĐQT có sự tham gia biểu quyết của thành viên thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 40: Phân công nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm và quyền hạn sau:
   a. Triệu tập các phiên họp của HĐQT.
   b. Chuẩn bị nội dung, chương trình và điều khiển các buổi họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
   c. Lập chương trình công tác và phân công thành viên theo dõi quá trình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.
   d. Tổ chức việc thông qua Nghị quyết của HĐQT.
   e. Chủ tọa họp ĐHĐCĐ, HĐQT.
   f. Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình.
   g. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp.
2. Phó chủ tịch HĐQT có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ do Chủ tịch phân công, thay mặt Chủ tịch thực thi công việc được ủy quyền trong thời gian Chủ tịch vắng mặt.
3. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT: Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo qui định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:
   a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
   b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
   c. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;

d. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên HĐQT trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được HĐQT phân công, không ủy quyền cho người khác.

Điều 41: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên kiêm nhiệm, chuyên trách HĐQT sẽ nhận được khoản thù lao hoặc tiền lương và các lợi ích khác cho công việc của mình với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng kinh phí hàng năm của HĐQT do HĐQT xây dựng trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua. Mức lương hoặc thù lao của các thành viên HĐQT do HĐQT quyết định.

2. Các thành viên của HĐQT có quyền được thanh toán các khoản chi phí hợp lý mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình.

3. Thù lao, tiền lương của thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện bằng mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

MỤC II: BAN KIỂM SOÁT

Điều 42: Quy định chung về Ban kiểm soát

1. BKS là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

2. BKS có 3 thành viên. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty. BKS phải bầu một thành viên làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số.

3. Kiểm soát viên có thể hoạt động kiêm nhiệm nhưng không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

4. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

5. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

d. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty;

e. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Kiểm soát viên được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của BKS căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên. Thù lao và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 43: Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có nhiệm kỳ không quá 05 năm do ĐHĐCĐ bầu và có thể được bầu lại với số nhiệm kì không hạn chế.

Điều 44: Từ chức, từ nhiệm và miễn nhiệm Ban kiểm soát

1. Cổ đông muốn thay thế người đại diện, hoặc người được ủy quyền đại diện của mình đang giữ chức vụ Kiểm soát viên thì phải có văn bản gửi đến HĐQT và BKS để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong các trường hợp khuyết chức danh Trưởng BKS, các Kiểm soát viên còn lại của BKS bầu 1 người thay thế.

3. Trong trường hợp số lượng Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng tối thiểu quy định của pháp luật, Trưởng BKS phải đề nghị HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường để bầu bổ sung.

4. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 5 Điều 42 Điều lệ này.

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

c. Trường hợp khác theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

5. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ này;
d. Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 45: Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm soát viên, Ban Kiểm soát

1. Trưởng BKS có trách nhiệm điều hành chung hoạt động của Ban Kiểm soát, phân công Kiểm soát viên phụ trách từng loại công việc kiểm soát và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của BKS.
2. BKS phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Kiểm soát viên vắng mặt phải có báo cáo bằng văn bản. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
3. Nhiệm vụ của Kiểm soát viên:
   a. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, bản quyết toán năm tài chính của Công ty và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có).
   b. Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra bảng tổng kết năm tài chính.
   c. Báo cáo với ĐHĐCĐ về những sự kiện tài chính bất thường, những ưu khuyết điểm trong quản lý tài chính của HĐQT và Tổng Giám đốc với các ý kiến độc lập của mình. Chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thiệt hại (nếu có).
   d. Thông báo định kỳ tình hình kết quả kiểm soát cho HĐQT.
   e. Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và nghị quyết của ĐHĐCĐ.
4. Quyền hạn của Kiểm soát viên:
   a. BKS có quyền yêu cầu HĐQT họp phiên họp bất thường.
   b. Được quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

c. Được quyền tham dự cuộc họp HĐQT, được phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của HĐQT thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ gần nhất.

d. Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

5. Việc kiểm tra, kiểm soát theo thẩm quyền của BKS không được gây cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn trong việc điều hành của Tổng Giám đốc Công ty.

Điều 46: Nghĩa vụ của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 46-bis: Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

MỤC III: BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN

Điều 47: Bổ nhiệm và nhiệm kỳ Tổng Giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và quy định mức lương, thù lao và các lợi ích liên quan khác.

2. Tổng Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây

   a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

   b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

   c. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ.

   d. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 5 năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 48: Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc hàng ngày của Công ty; có các quyền hạn và nhiệm vụ như sau:

1. Quyền hạn:

   a. Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ; thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty đã được HĐQT thông qua.

   b. Ban hành các quy chế về điều hành hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

   c. Quyết định các vấn đề gồm việc ký kết các hợp đồng, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo quy định của pháp luật, sự phân cấp của HĐQT và ĐHĐCĐ.

   d. Quyết định và kí kết các hợp đồng giao dịch có thời hạn nhỏ hơn hoặc bằng 02 năm, hoặc có tổng giá trị của mỗi hợp đồng giao dịch nhỏ hơn hoặc bằng 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng qui định tại khoản 3 Điều 50 Điều lệ. Trong trường hợp gia hạn mà tổng thời hạn hoặc lũy tiến giá trị của hợp đồng giao dịch lớn hơn mức được quy định thì việc gia hạn chỉ có hiệu lực khi được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị. Quy định về tổng giá trị giao dịch tại điều này không áp dụng với các hợp đồng nguyên tắc không xác định được giá trị hợp đồng tại thời điểm ký kết.

   e. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

   f. Trình HĐQT bổ nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng và kỷ luật các Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc phụ trách Khối, Kế toán trưởng, Giám đốc Công ty con cũng như đề xuất để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động với các cán bộ đó.

g. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các cán bộ quản lý của Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

h. Quyết định mức lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của mình.

i. Tuyển dụng lao động.

j. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

k. Phân công hoặc ủy quyền cho các Phó Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý nghiệp vụ đại diện mình thực hiện một số công việc của Công ty.

l. Từ chối thực hiện những quyết định của HĐQT nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ này và trái Nghị quyết của ĐHĐCĐ đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho BKS biết.

m. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố khác... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT biết.

2. Nhiệm vụ:

a. Hằng năm, Tổng Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính theo Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

b. Thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm do ĐHĐCĐ thông qua.

c. Thực hiện những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty.

d. Thực hiện các quy định của Điều lệ này, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, các quy chế của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật.

e. Chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho HĐQT và ĐHĐCĐ khi được yêu cầu.

3. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định của HĐQT.

Điều 49: Miễn nhiệm đối với Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 50: Các hợp đồng giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận:

a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ.

b. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của họ.

c. Doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng làm chủ, có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần hoặc doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.

2. HĐQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. ĐHĐCĐ chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó. Người đại diện theo pháp luật phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

MỤC IV: QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 51: Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa HĐQT và Tổng Giám đốc

1. HĐQT thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ này. HĐQT chịu trách nhiệm và báo cáo trước ĐHĐCĐ về các hoạt động của mình.

2. Tổng Giám đốc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm và báo cáo trước HĐQT về các hoạt động của mình.

MỤC V: QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 52: Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông và Sổ theo dõi phát hành cổ phiếu của Công ty và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

2. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy Đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của BKS, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

CHƯƠNG VII:
CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

MỤC I: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Điều 53: Tài khoản ngân hàng

1. Công ty được phép mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 54: Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng Mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai ngay sau ngày cấp giấy đăng ký kinh doanh đó.

Điều 55: Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 56: Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;

b. Báo cáo tài chính;

c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty

d. Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Lập các báo cáo khác theo yêu cầu của cơ quan ban ngành.

Điều 57: Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 58: Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 59: Con dấu

1. Con dấu của Công ty được khắc theo quy định của luật pháp.

2. HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc sử dụng con dấu của Công ty theo quy định của pháp luật.

MỤC II: PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 60: Trích lập quỹ

1. Lợi nhuận sau thuế vào cuối năm tài chính, trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ theo qui định của pháp luật.

2. Tỉ lệ trích lập các quỹ do HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm.

Điều 61: Cổ tức

1. Số lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ, được chia cổ tức cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng số cổ phần góp vốn.

2. Cổ tức được chia theo mức ĐHĐCĐ quyết định trên cơ sở đề nghị của HĐQT. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, HĐQT có thể tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

4. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa nhận khi đến hạn.

Điều 62: Hình thức chi trả cổ tức

1. Theo đề xuất của Hội đồng quản trị, ĐHĐCĐ sẽ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng tiền mặt hay những tài sản cụ thể khác.

2. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

CHƯƠNG VIII:
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ - SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 63: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

   a. Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty; hoặc

   b. Một cổ đông hay các cổ đông với HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu

cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án theo luật định.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 64: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung và sửa đổi Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định.

2. Bất kỳ nội dung nào không được quy định trong Điều lệ này sẽ được áp dụng theo Luật Doanh nghiệp hoặc các văn bản pháp luật khác có liên quan. Trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG IX:
TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN

Điều 65: Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
   a. Bị tuyên bố phá sản, hoặc bị giải thể theo quy định của pháp luật.
   b. Theo quyết định của ĐHĐCĐ.
   c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Bất kỳ quyết định nào nhằm giải thể Công ty đều phải được ĐHĐCĐ thông qua. Quyết định này phải được gửi đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trước khi tiến hành giải thể theo thủ tục luật định.

Điều 66: Thanh lý

1. Ít nhất sáu (06) tháng sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do HĐQT chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý.

b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho cán bộ nhân viên.

c. Thuế và các chi phí nhập khẩu có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước Việt Nam.

d. Các khoản vay (nếu có).

e. Các khoản nợ khác của Công ty.

f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục a đến e trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Cổ đông phổ thông sẽ được chia phần sau khi các cổ phiếu ưu đãi được thanh toán.

CHƯƠNG X:
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 67: Kế thừa và các quy định khác

1. Công ty kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ pháp lý phát sinh từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được cổ phần hóa.

2. Văn bản sử dụng trong Công ty nếu được lập bằng hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh thì bản tiếng Việt sẽ có giá trị pháp lý cuối cùng trong trường hợp xảy ra tranh chấp.

Điều 68: Hiệu lực, đăng ký Điều lệ

1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ khi được ĐHĐCĐ thông qua và thay thế cho bản Điều lệ trước đây của Công ty.

2. Sau khi ĐHĐCĐ thông qua, Điều lệ này được lập thành 10 (mười) bản; được đăng ký, nộp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật và lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Công ty sẽ nộp bản chính, bản sao hoặc trích lục Điều lệ của Công ty cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác nếu các cơ quan này có yêu cầu đúng thẩm quyền.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY
CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN TNHH MTV (SAMCO)
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
Số: 42/TTr-HĐQT-SSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 15 tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ban hành ngày 17/06/2020;
Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn;
Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn;
Căn cứ Nghị quyết số 22./NQ-HĐQT-SSC ngày 15/12/2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua nội dung trình Đại hội đồng cổ đông bất thường,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn như sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn theo nội dung Phụ lục đính kèm.

2. Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn sửa đổi, bổ sung theo nội dung Dự thảo đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
Trân trọng./.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;HĐQT;BKS
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Thành viên Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Huỳnh Như Ý

PHỤ LỤC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Đính kèm theo Tờ trình số .42/TTr-HĐQT-SSC ngày 15/12/2025)

STT	Nội dung Điều khoản	Quy định hiện hành	Nội dung điều chỉnh
1	Điểm h; khoản 2 Điều 11	**Điều 11: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị** Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có có thời hạn lớn hơn 02 năm, hoặc có tổng giá trị của mỗi hợp đồng giao dịch lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 24 và khoản 3 Điều 50 Điều lệ;	*Thông qua các hợp đồng mua bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có thời hạn lớn hơn 02 năm, hoặc có tổng giá trị của mỗi hợp đồng giao dịch lớn hơn 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng qui định tại điểm d khoản 1 Điều 24 và khoản 3 Điều 50 Điều lệ. **Quy định về tổng giá trị giao dịch tại điều này không áp dụng với các hợp đồng nguyên tắc không xác định được giá trị hợp đồng tại thời điểm ký kết."***
	Điểm i khoản 2 Điều 11	**Điều 11: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị** Thông qua nhân sự Trưởng phòng, Giám đốc chi nhánh do Tổng Giám đốc đề xuất và bổ nhiệm.	*Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; thông qua nhân sự Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Giám đốc chi nhánh, Phó Giám đốc Chi nhánh do Tổng Giám đốc đề xuất và bổ nhiệm*
2	Khoản 1 Điều 14	1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.	*"1. Hội đồng quản trị **có thể** thành lập các ủy ban trực thuộc sau đây:* *- Ủy ban Kế hoạch và Chiến lược để phụ trách về chính sách kinh doanh, đầu tư, tài chính.* *- Ủy ban Nhân sự để phụ trách về chính sách nhân sự, lương thưởng.* *- Các tiểu ban khác để phụ trách về chính sách phát triển, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.* *Chi tiết về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các ủy ban này sẽ được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của từng ủy ban được đính kèm tại Phụ lục Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.* *Số lượng thành viên của ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định có **tối thiểu** là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài (là người lao động của Công ty). Hoạt động của ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.*
3	Phụ lục 01 - Ủy ban Nhân sự	Chưa có	Theo dự thảo
4	Phụ lục 02 - Ủy ban kế hoạch, chiến lược	Chưa có	Theo dự thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
Địa chỉ: 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Quận I, TPHCM
Điện thoại: (028) 3829 6316 – 3829 6320; Fax: (028) 3822 5067
Email: saigonship@saigonshipvn.com
Website: www.saigonship.com.vn

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I 3
QUY ĐỊNH CHUNG 3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị 3
CHƯƠNG II 4
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 4
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 4
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 4
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị 5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .. 7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 8
CHƯƠNG III 8
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 10
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 11
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị. 12
CHƯƠNG IV 12
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 12
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị 12
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị 14
CHƯƠNG V 15
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH 15
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm 15

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 15
CHƯƠNG VI 17
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 17
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị 17
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành 17
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát 18
Điều 23. Mối quan hệ với Người đại diện của Công ty tại Công ty con 18
CHƯƠNG VII 19
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH 19
Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Quy chế 19
Điều 25. Hiệu lực thi hành 19

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (sau đây gọi là "Luật Chứng khoán");

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 (sau đây gọi là "Luật Doanh nghiệp");

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điêu của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn (sau đây gọi là "Điều lệ Công ty");

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ-SSC ngày 28 tháng 04 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

d. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
2. Là cổ đông cá nhân hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;
3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Chủ tịch có thể ủy quyền cho Phó chủ tịch thực hiện công việc với tư cách như là Chủ tịch trong trường hợp: vắng mặt, bất khả kháng nhưng phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết về việc ủy quyền này. Nếu Chủ tịch không chỉ định Phó chủ tịch hành động như vậy thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do bất khả kháng thì Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Hội đồng

quản trị. Thư ký có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
b. Soạn thảo, trình ký các văn bản, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
c. Thực hiện công việc liên lạc giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.
d. Theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin tài liệu, bản sao biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
e. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
f. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
g. Được trực tiếp làm việc với các cơ quan, đơn vị khác để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị về công việc được giao.
h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;
b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba với số quy định tại Điều lệ Công ty nhưng không ít hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối

thiểu theo quy định của pháp luật;

b. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu

lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
b. Trình độ chuyên môn;
c. Quá trình công tác;
d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
f. Các thông tin liên quan khác (nếu có);
g. Công ty phải công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh

hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có có thời hạn lớn hơn 02 năm, hoặc có tổng giá trị của mỗi hợp đồng giao dịch lớn hơn 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 24 và khoản 3 Điều 50 Điều lệ. Quy định về tổng giá trị giao dịch tại điều này không áp dụng với các hợp đồng nguyên tắc không xác định được giá trị hợp đồng tại thời điểm ký kết.
i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; thông qua nhân sự Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Giám đốc chi nhánh, Phó Giám đốc Chi nhánh do Tổng Giám đốc đề xuất và bổ nhiệm; Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
   - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
   - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
   - Doanh nghiệp mà Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
   - Doanh nghiệp mà người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc giảm quá 1/3 so với quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông ở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều này; 60 ngày khi thành viên Hội đồng quản trị giảm quá 1/3 so với quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này nhưng không ít hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của pháp luật.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các ủy ban trực thuộc sau đây:
   - Ủy ban Kế hoạch và Chiến lược để phụ trách về chính sách kinh doanh, đầu tư, tài chính.
   - Ủy ban Nhân sự để phụ trách về chính sách nhân sự, lương thưởng.
   - Các tiểu ban khác để phụ trách về chính sách phát triển, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.

   Chi tiết về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các ủy ban này sẽ được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của từng ủy ban được đính kèm tại Phụ lục Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

   Số lượng thành viên của ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài (là người lao động của Công ty). Hoạt động của ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT;
b. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
c. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
d. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

   Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

   Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Giấy ủy quyền cho người khác dự họp phải gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị, chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày họp, có thể gửi bằng fax., thư điện tử (email) nhưng phải xuất trình bản chính giấy ủy quyền và chứng minh nhân dân (CMND) hoặc căn cước công dân (CCCD) của người được ủy quyền cho Chủ tọa cuộc họp. Giấy ủy quyền phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, CMND/CCCD của người ủy quyền và người được ủy quyền, nội dung và phạm vi ủy quyền, thời gian hiệu lực của ủy quyền. Người ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về các công việc của người được ủy quyền.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được trên 50% thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian, địa điểm họp;

c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG V
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b. Báo cáo tài chính;

c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết

quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn

07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các Nghị quyết, Quyết định để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các Nghị quyết, Quyết định.
2. Tổng giám đốc phải báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất và cung cấp tài liệu cho Hội đồng quản trị theo quy định sau:

a. Báo cáo quản trị Công ty định kỳ: Chậm nhất sau 15 ngày sau khi kết thúc tháng/quý/năm, Tổng giám đốc phải gửi báo cáo về tình hình quản trị Công ty cho Hội đồng quản trị thông qua thư ký Hội đồng quản trị theo biểu mẫu của

Công ty. Kiến nghị những vấn đề cần giải quyết và phương hướng nhiệm vụ (nếu có).

b. Báo cáo đột xuất: khi xảy ra hoặc nhận thấy có nguy cơ biên động bất thường lớn cho Công ty, Tổng Giám đốc phải kịp thời báo cáo đột xuất bằng văn bản hoặc các phương tiện thông tin nhanh nhất với Chủ tịch Hội đồng quản trị để xử lý chỉ đạo.

c. Cung cấp tài liệu theo yêu cầu: Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu Tổng Giám đốc cung cấp tài liệu thì sẽ gửi yêu cầu theo Biểu mẫu 01/BM-HĐQT-SSC (ban hành kèm theo Quy chế này) cho thư ký Hội đồng quản trị. Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi yêu cầu cho Tổng Giám đốc và gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để biết. Thời gian cung cấp tài liệu trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong trường hợp không cung cấp tài liệu hoặc cung cấp không đúng thời gian trên thì Tổng Giám đốc phải có ý kiến phản hồi bằng văn bản trong vòng 03 ngày làm việc nói rõ lý do và thời gian sẽ cung cấp, đồng thời thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị biết thông qua thư ký Hội đồng quản trị.

3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của Tổng Giám đốc nhưng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị hoặc các tài liệu khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

4. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét và giải quyết kịp thời các kiến nghị, các đề xuất giải pháp xử lý của Tổng Giám đốc nhằm đáp ứng nhanh chóng hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Ban kiểm soát thông báo kịp thời với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kiểm soát Công ty, đồng thời trao đổi với Hội đồng quản trị các báo cáo, kết luận và kiến nghị trước khi trình ra Đại hội đồng cổ đông.

3. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 23. Mối quan hệ với Người đại diện của Công ty tại Công ty con

1. Hội đồng quản trị là cơ quan có thẩm quyền cử Người đại diện của Công ty (bao gồm người đại diện vốn và người được cử tham gia Ban kiểm soát) tại

công ty con theo quy chế hoạt động Người đại diện của Công ty tại Công ty con.

2. Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Công ty con thông qua Người đại diện. Việc giám sát thực hiện phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ và quy định của Công ty con.
3. Công ty con thông qua Người đại diện để trình báo Công ty các đề xuất, kiến nghị và giải pháp xử lý trong hoạt động của Doanh nghiệp.

CHƯƠNG VII
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện, khi thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật thì Hội đồng quản trị đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến quy chế chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được ưu tiên áp dụng.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn bao gồm 7 chương, 25 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày [illegible] tháng [illegible] năm [illegible].

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Biểu mẫu-01/BM-HDQT-SSC: Mẫu yêu cầu cung cấp thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn,

Tên thành viên Hội đồng quản trị:
Đại diện cho tổ chức:
CMND/CCCD: cấp ngày: Nơi cấp
Số điện thoại: Email

Theo Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, tôi/chúng tôi đề nghị Tổng Giám đốc cung cấp cho tôi/chúng tôi những hồ sơ tài liệu sau đây để thực hiện nhiệm vụ của mình:

- Tên tài liệu, hồ sơ:.
- Mục đích:.

Tôi/chúng tôi cam kết các hồ sơ được yêu cầu cung cấp trên sẽ được bảo mật và chỉ sử dụng cho quyền lợi Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:
- Như trên; CT.HĐQT (để báo cáo)
- Lưu: VT.

PHỤ LỤC I
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
UỶ BAN NHÂN SỰ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số _____, ngày ____ của Đại Hội đồng cổ đông Công ty cổ phần vận tải biển Sài Gòn)

1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Quy chế này qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ủy ban Nhân sự.
- Quy chế này áp dụng thống nhất tại Công ty cổ phần vận tải biển Sài Gòn.

2. Vị trí và chức năng

- Ủy ban Nhân sự là một ban trực thuộc Hội đồng Quản trị.
- Ủy ban có chức năng hỗ trợ, giúp việc cho Hội đồng quản trị trước khi ra quyết định về các chính sách nhân sự, lương thưởng theo qui định của Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

3. Tổ chức nhân sự

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm hoặc đề xuất Hội đồng Quản trị xem xét, quyết định giao thành viên khác làm Chủ tịch Ủy ban.
- Chủ tịch Ủy ban tuyển chọn nhân sự của Ủy ban có năng lực giỏi trong các lĩnh vực nghiệp vụ, với số lượng thành viên của ủy ban tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài (là người lao động của Công ty)
- Thành viên của Ủy ban được hưởng chế độ về tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng (nếu có) và các chế độ khác theo quy định chung của Công ty.
- Tiêu chuẩn của thành viên ủy ban:

  + Ít nhất 01 thành viên đáp ứng tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc không điều hành;

  + Các thành viên ủy ban phải liêm chính và nắm vững những nguyên tắc cơ bản về kinh tế, tài chính, đạo đức kinh doanh, Luật doanh nghiệp, Bộ Luật lao động và các quy định khác có liên quan.

  + Các tiêu chuẩn khác theo quy định pháp luật, quy định của Công ty.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm UB

4.1. Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị.

- Ủy ban sẽ kiểm tra, rà soát, có ý kiến chuyên môn khuyến nghị trình Hội đồng quản trị trước khi ra quyết định về các vấn đề nhân sự thuộc thẩm quyền quyết định của

Hội đồng quản trị được qui định trong Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

4.2. Rà soát các tờ trình của Ban Tổng Giám đốc.

- Tổng Giám đốc có Tờ trình gửi Hội đồng quản trị và Ủy ban. Căn cứ các Tờ trình của Tổng Giám đốc, Ủy ban sẽ kiểm tra, có ý kiến chuyên môn khuyến nghị với Hội đồng quản trị các tờ trình của Tổng Giám đốc về chính sách nhân sự, lương thưởng trước khi ra quyết định. Thời gian Ủy ban hoàn tất có ý kiến là trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị sẽ căn cứ nội dung tờ trình của Tổng Giám đốc và ý kiến khuyến nghị về chuyên môn của Ủy ban để xem xét ra quyết định.
- Sau thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Tổng Giám đốc mà Ủy ban không có ý kiến hoặc không có phản hồi thì Hội đồng quản trị sẽ xem xét trực tiếp tờ trình của Tổng Giám đốc để ra quyết định.
- Trong trường hợp cần thiết, để đảm bảo thời gian thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước, Ủy ban cần phải gửi ý kiến trước khi Hội đồng quản trị họp, đến ngày họp mà Ủy ban không có ý kiến thì Hội đồng quản trị sẽ xem trực tiếp tờ trình của Tổng Giám đốc để ra quyết định.

4.3. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban.

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.
- Tham mưu, cung cấp ý kiến chuyên môn đầy đủ, trung thực, khách quan và đúng thời hạn cho Hội đồng quản trị nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.
- Trung thành với lợi ích của công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nội dung khuyến nghị của mình; bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình, phối hợp và bảo mật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;
- Việc thực hiện kiểm tra, rà soát theo các nhiệm vụ quyền hạn được quy định của Ủy ban không được gây cản trở hoạt động bình thường của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành.

5. Nhiệm vụ quyền hạn của Chủ tịch Uỷ ban

- Tổ chức bộ máy, tuyển chọn nhân sự Ủy ban Nhân sự.

- Giao việc, phân công nhiệm vụ và điều phối hoạt động của các thành viên. Giám sát, đánh giá các thành viên trong quá trình thực hiện các công việc được phân công và khi thực hiện các nhiệm vụ chung.
- Triệu tập, chủ trì các cuộc họp của Ủy ban, ký các văn bản, quyết định do Ủy ban ban hành.
- Làm việc với Ban Tổng Giám đốc thực hiện triển khai và báo cáo kết quả các chỉ đạo, quyết định đã được Ủy ban trình Hội đồng quản trị thông qua.
- Các quyền, nhiệm vụ khác theo phân công của Hội đồng quản trị.

6. Chế độ làm việc.

- Ủy ban Nhân sự làm việc dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban.
- Ủy ban họp ít nhất mỗi quý 1 lần. Ủy ban có thể họp bất thường theo quyết định của Chủ tịch.
- Quyết định của Ủy ban được thông qua khi được quá nửa thành viên dự họp đồng ý. Trong trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau, quyết định của Chủ tịch Ủy ban sẽ có giá trị.
- Cuộc họp của Ủy ban phải được lập thành văn bản, có chữ kí của tất cả các thành viên tham dự và được lưu trữ tại Công ty theo các qui định tương ứng về công tác văn thư, lưu trữ.

7. Điều khoản thi hành.

Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Những vấn đề mà Quy chế này không qui định sẽ được điều chỉnh bởi các qui định pháp luật tương ứng, Điều lệ và các qui chế quản trị nội bộ của Công ty. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Quy chế này và các qui định pháp luật tương ứng, mặc nhiên qui định tương ứng của pháp luật sẽ được áp dụng.

PHỤ LỤC II
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
ỦY BAN KẾ HOẠCH VÀ CHIẾN LƯỢC
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số _____, ngày ____ của Đại Hội đồng cổ đông Công ty cổ phần vận tải biển Sài Gòn)

1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Quy chế này qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của ủy ban Kế hoạch & Chiến lược.
- Quy chế này áp dụng thống nhất tại Công ty cổ phần vận tải biển Sài Gòn.

2. Vị trí và chức năng

- Ủy ban Kế hoạch & Chiến lược là một ban trực thuộc Hội đồng Quản trị.
- Ủy ban có chức năng hỗ trợ, giúp việc cho Hội đồng quản trị trước khi ra quyết định về các chính sách kinh doanh, đầu tư, tài chính thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị được qui định trong Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

3. Tổ chức nhân sự Ủy ban.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm hoặc đề xuất Hội đồng quản trị xem xét, quyết định giao thành viên khác làm Chủ tịch Ủy ban.
- Chủ tịch Ủy ban tuyển chọn nhân sự của Ủy ban có năng lực giỏi trong các lĩnh vực nghiệp vụ, với số lượng thành viên của ủy ban tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài (là người lao động của Công ty).
- Thành viên của Ủy ban được hưởng chế độ về tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng (nếu có) và các chế độ khác theo quy định chung của Công ty.
- Tiêu chuẩn của thành viên ủy ban:

  + Ít nhất 01 thành viên đáp ứng tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc không điều hành;

  + Các thành viên ủy ban phải liêm chính và nắm vững những nguyên tắc cơ bản về kinh tế, tài chính, đạo đức kinh doanh, Luật doanh nghiệp, Bộ Luật lao động và các quy định khác có liên quan.

  + Các tiêu chuẩn khác theo quy định pháp luật, quy định của Công ty.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm Ủy ban.

4.1. Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị.

Ủy ban sẽ kiểm tra, rà soát, có ý kiến chuyên môn khuyến nghị trình Hội đồng quản trị trước khi ra quyết định về chiến lược, kế hoạch phát triển trung, dài hạn của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, các tờ trình của Tổng Giám đốc liên quan đầu tư, tài chính, đề xuất mức cổ tức hằng năm, thời hạn và thủ tục trả cổ tức của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị được qui định trong Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

4.2. Rà soát các tờ trình của Ban Tổng Giám đốc

- Tổng Giám đốc có Tờ trình gửi Hội đồng quản trị và Ủy ban. Căn cứ các Tờ trình của Tổng Giám đốc, Ủy ban sẽ kiểm tra, có ý kiến chuyên môn khuyến nghị với Hội đồng quản trị các tờ trình của Tổng Giám đốc về chiến lược, kế hoạch phát triển trung, dài hạn của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, các tờ trình của Tổng giám đốc liên quan đầu tư, tài chính, đề xuất mức cổ tức hằng năm, thời hạn và thủ tục trả cổ tức của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị trước khi ra quyết định. Thời gian Ủy ban hoàn tất có ý kiến là trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị sẽ căn cứ nội dung tờ trình của Tổng Giám đốc và ý kiến khuyến nghị về chuyên môn của Ủy ban để xem xét ra quyết định.
- Sau thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Tổng Giám đốc mà Ủy ban không có ý kiến hoặc không có phản hồi thì Hội đồng quản trị sẽ xem xét trực tiếp tờ trình của Tổng Giám đốc để ra quyết định.
- Trong trường hợp cần thiết, để đảm bảo thời gian thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước, Ủy ban cần phải gửi ý kiến trước khi Hội đồng quản trị họp, đến ngày họp mà Ủy ban không có ý kiến thì Hội đồng quản trị sẽ xem trực tiếp tờ trình của Tổng Giám đốc để ra quyết định.

4.3. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban.

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.
- Tham mưu, cung cấp ý kiến chuyên môn đầy đủ, trung thực, khách quan và đúng thời hạn cho Hội đồng quản trị nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.
- Trung thành với lợi ích của công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nội dung khuyến nghị của mình; bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình, phối hợp và bảo mật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;
- Việc thực hiện kiểm tra, rà soát theo các nhiệm vụ quyền hạn được quy định của Ủy ban không được gây cản trở hoạt động bình thường của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành.

5. Nhiệm vụ quyền hạn của Chủ tịch Uỷ ban

- Tổ chức bộ máy, tuyển chọn nhân sự Ủy ban kế hoạch & chiến lược
- Giao việc, phân công nhiệm vụ và điều phối hoạt động của các thành viên. Giám sát, đánh giá các thành viên trong quá trình thực hiện các công việc được phân công và khi thực hiện các nhiệm vụ chung.
- Triệu tập, chủ trì các cuộc họp của Uỷ ban, ký các văn bản, quyết định do Uỷ ban ban hành.
- Làm việc với Ban Tổng Giám đốc thực hiện triển khai và báo cáo kết quả các chỉ đạo, quyết định đã được Uỷ ban trình Hội đồng quản trị thông qua.
- Các quyền, nhiệm vụ khác theo phân công của Hội đồng quản trị.

6. Chế độ làm việc.

- Uỷ ban Kế hoạch & chiến lược làm việc dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Uỷ ban.
- Uỷ ban họp ít nhất mỗi quý 1 lần. Uỷ ban có thể họp bất thường theo quyết định của Chủ tịch.
- Quyết định của Uỷ ban được thông qua khi được quá nửa thành viên dự họp đồng ý. Trong trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau, quyết định của Chủ tịch Uỷ ban sẽ có giá trị.
- Cuộc họp của Uỷ ban phải được lập thành văn bản, có chữ kí của tất cả các thành viên tham dự và được lưu trữ tại Công ty theo các qui định tương ứng về công tác văn thư, lưu trữ.

7. Điều khoản thi hành.

Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Những vấn đề mà Quy chế này không qui định sẽ được điều chỉnh bởi các qui định pháp luật tương ứng, Điều lệ và các qui chế quản trị nội bộ của Công ty. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Quy chế này và các qui định pháp luật tương ứng, mặc nhiên qui định tương ứng của pháp luật sẽ được áp dụng.